

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN KRÔNG NÔ
TỈNH ĐẮK NÔNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 11/2019/HNGĐ-ST

Ngày 22/10/2019

“V/v ly hôn, tranh chấp nuôi con, chia tài sản khi ly hôn; tranh chấp hợp đồng tặng cho tài sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KRÔNG NÔ**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Võ Thị Nhi

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Quang Châu và ông Võ Đình Đức.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Nguyệt Bun-Thư ký TAND huyện Krông Nô.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Nô tham gia phiên tòa: Đỗ Thị Thơm – c/v: Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 10 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Krông Nô tiến hành mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 42/2019/TLST-HNGĐ, ngày 03 tháng 05 năm 2019 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con, chia tài sản khi ly hôn” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 07/2019/QĐST-HNGĐ, ngày 13 tháng 9 năm 2019, Quyết định hoãn phiên tòa số 06/2019/QĐST-HNGĐ ngày 30/9/2019 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Xiêm Mùi D (có đơn xin xét xử vắng mặt).

Trú tại: Thôn Đ, xã I, huyện C, tỉnh Gia Lai.

Bị đơn: Anh Phùng Vân S (vắng mặt).

Trú tại: Thôn Đ, xã T, huyện K, tỉnh Đắk Nông.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**Trong đơn khởi kiện ly hôn đề ngày 03/5/2019, bản tự khai, biên bản lấy khai, biên bản hòa giải và quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Xiêm Mùi D trình bày:*

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Xiêm Mùi D và anh Phùng Vân S kết hôn năm 2015, đăng ký kết hôn tại UBND xã I, huyện C, tỉnh Gia Lai. Việc kết hôn trên tinh thần tự nguyện, không ai ép buộc. Trước khi kết hôn anh chị tìm hiểu nhau được hơn 01 năm. Nguyên nhân mâu thuẫn là từ khi kết hôn do phong tục bắt rể của dân tộc Dao nên anh S phải chuyển về sinh sống cùng bố mẹ đẻ của chị D tại thôn Đ, xã I, huyện C, tỉnh Gia Lai nhưng quá trình chung sống vào cuối năm 2016 anh S không đồng ý ở chung với mẹ con chị mà bỏ về sinh sống cùng cha mẹ đẻ của anh S tại thôn Đ, xã T, huyện K, tỉnh Đắk Nông. Từ đó dẫn tới mâu thuẫn vợ chồng giữa anh S, chị D ngày càng trầm trọng. Nay chị D và anh S không còn tình cảm với nhau nữa, mục đích hôn nhân không đạt được. Hiện nay anh chị đã ly thân từ cuối năm 2016 cho đến nay. Nay chị Xiêm Mùi D xin được ly hôn với anh Phùng Vân S.

- Về con chung: Chị D và anh S có 01 con chung là cháu là Xiêm Quỳ L, sinh ngày 19/8/2015. Chị D xin được trực tiếp nuôi con Xiêm Quỳ L và yêu cầu anh S

đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con số tiền 1.000.000 đồng/1 tháng cho đến khi cháu L 18 tuổi.

- Về tài sản chung: Chị D yêu cầu anh S trả lại cho chị D chiếc xe nhãn hiệu Wave và yêu cầu anh S trả lại tiền cưới theo phong tục người Dao số tiền là 47.000.000 đồng (bốn mươi bảy triệu đồng).

- Về nợ chung: Chị D và anh S không có nợ chung.

Ngày 14/5/2019 chị D có đơn sửa chữa bổ sung đơn khởi kiện yêu cầu anh S trả lại tiền cho chị D đã cho anh S vay mượn để tổ chức lễ cưới tại nhà anh S số tiền là 47.000.000 đồng (bốn mươi bảy triệu đồng) và không yêu cầu tính lãi suất.

Ngày 24/5/2019 Chị D có đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện là không yêu cầu anh S đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung và chị D không yêu cầu anh S trả chiếc xe nhãn hiệu Wave và rút số tiền 13.000.000 đồng trong số tiền 47.000.000 đồng, chị D yêu cầu anh S trả số tiền 34.000.000 đồng mà chị D đưa cho anh S tiền cưới.

Ngày 30/9/2019 Chị D có đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện là không yêu cầu anh S trả số tiền 34.000.000 đồng mà chị D cho anh S mượn để tổ chức lễ cưới theo phong tục người Dao.

** Tại biên bản lấy lời khai, biên bản hòa giải và quá trình giải quyết vụ án bị đơn anh Phùng Văn S trình bày:*

-Về quan hệ hôn nhân: Anh Phùng Văn S và chị Xiêm Mùi D kết hôn năm 2015, đăng ký kết hôn tại UBND xã I, huyện C, tỉnh Gia Lai. Việc kết hôn trên tinh thần tự nguyện, không ai ép buộc. Trước khi kết hôn anh chị tìm hiểu nhau được hơn một năm. Sau khi kết hôn do phong tục bắt rể của dân tộc Dao nên anh S chị D phải chuyển về sinh sống cùng bố mẹ đẻ của chị D tại thôn Đ, xã I, huyện C, tỉnh Gia Lai. Tuy nhiên trong cuộc sống anh S, chị D thường nảy sinh mâu thuẫn nên anh S bỏ về sinh sống cùng cha mẹ đẻ của anh S tại thôn Đ, xã T, huyện K, tỉnh Đăk Nông. Từ đó dẫn tới mâu thuẫn vợ chồng giữa anh S, chị D ngày càng trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn. Chị D và anh S không còn chung sống với nhau từ cuối năm 2016 cho đến nay. Anh S không chấp nhận ly hôn với chị D vì chị D yêu cầu anh S trả số tiền 34.000.000 đồng, anh S chỉ chấp nhận yêu cầu ly hôn trường hợp chị D không yêu cầu anh S trả số tiền 34.000.000 đồng.

-Về con chung: Anh S và chị D có 01 con chung là Xiêm Quỳ L, sinh ngày 19/8/2015. Hiện nay chị D đang chăm sóc nuôi dưỡng nên anh S đồng ý giao cháu Xiêm Quỳ L cho chị D trực tiếp nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành. Anh S không cấp dưỡng nuôi con chung.

-Về tài sản chung: Anh S không có ý kiến gì đối với việc chị D rút yêu cầu trả chiếc xe máy nhãn hiệu Wave và số tiền 13.000.000 đồng trong tổng số tiền 47.000.000 đồng.

Anh S thừa nhận có nhận số tiền 34.000.000 đồng từ chị D nhưng đây là tiền sính lễ theo phong tục người Dao nên anh S không đồng ý trả lại.

-Về nợ chung: anh S và chị D không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Ngoài ra anh S không yêu cầu phản tố.

Đại diện VKSND huyện Krông Nô phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử; sự tuân theo pháp luật của những người tham gia tố tụng và nội dung vụ án:

Về trình tự tố tụng: Việc tuân theo pháp luật cơ bản đã chấp hành đầy đủ theo quy định của pháp luật từ quá trình thụ lý, lập hồ sơ vụ án Thẩm phán đã tiến hành

đúng theo quy định của pháp luật. Xác định quan hệ tranh chấp: đề nghị Tòa án bổ sung quan hệ tranh chấp “Tranh chấp hợp đồng tặng cho tài sản” theo quy định tại khoản 3 Điều 26 BLTTDS; Tiến hành thu thập chứng cứ, tổng đạt các văn bản tố tụng hợp lệ đến các đương sự. Thẩm phán đã tiến hành mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ đúng theo quy định. Tại phiên tòa, Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng mọi thủ tục, trình tự xét xử theo đúng quy định. Hội đồng xét xử đúng thành phần, thực hiện đúng theo quy định, không có trường hợp nào phải thay đổi người tiến hành tố tụng.

Về người tham gia tố tụng: Nguyên đơn nghiêm túc thực hiện đầy đủ quyền, nghĩa vụ của mình được BLTTDS và các văn bản liên quan quy định nên về hình thức tố tụng Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Nô xét thấy đảm bảo đầy đủ và hợp pháp.

Nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt tại phiên tòa, căn cứ khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự đề nghị Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn. Bị đơn anh Phùng Văn S vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do dù đã được triệu tập hợp lệ. Đại diện VKSND huyện Krông Nô đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm b, khoản 2 Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định của Pháp luật.

Về nội dung vụ án: Qua xem xét các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn; Đình chỉ yêu cầu anh S đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con số tiền 1.000.000 đồng/tháng cho đến khi cháu L 18 tuổi do nguyên đơn rút yêu cầu; Đình chỉ yêu cầu anh S trả chiếc xe nhãn hiệu Wave do nguyên đơn rút yêu cầu; Đình chỉ yêu cầu anh S trả số tiền 47.000.000 đồng và không yêu cầu tính lãi suất do nguyên đơn rút yêu cầu.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án trên cơ sở xem xét đầy đủ và toàn diện chứng cứ, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn chị Xiêm Mùi D yêu cầu Tòa án giải quyết đối với bị đơn anh Phùng Văn S cụ thể: về quan hệ hôn nhân chị Xiêm Mùi D xin được ly hôn với bị đơn anh Phùng Văn S; về nuôi con chung xin được nuôi con chung và yêu cầu anh S đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung là 1.000.000 đồng/1 tháng; về chia tài sản chung: chị D yêu cầu anh S trả lại chiếc xe nhãn hiệu Wave và yêu cầu anh S trả lại tiền cưới theo phong tục người Dao số tiền là 47.000.000 đồng mà chị và gia đình chị đã giao khi cưới; về nợ chung: chị D không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do đó, quan hệ pháp luật được xác định là “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con, chia tài sản chung khi ly hôn” theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và quan hệ tranh chấp “ Hợp đồng tặng cho tài sản” theo quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Anh Phùng Văn S là bị đơn có nơi cư trú tại Thôn Đắc Ri, xã Tân Thành, huyện Krông Nô, tỉnh Đắk Nông nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Krông Nô theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình theo Bộ luật tố tụng dân sự, nguyên đơn, có đơn xin xét xử vắng mặt tại phiên tòa, bị đơn đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt tại phiên tòa lần thứ 2 do

vậy Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn là phù hợp quy định tại điểm a, b khoản 2 Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Xiêm Mùi D và anh Phùng Văn S kết hôn trên tinh thần tự nguyện, có đăng ký kết hôn UBND xã I, huyện C, tỉnh Gia Lai. Đây là hôn nhân hợp pháp, kết hôn đúng theo quy định tại Điều 8, Điều 9 của Luật hôn nhân và gia đình.

Tại Điều 19 của Luật hôn nhân và gia đình quy định về tình nghĩa vợ chồng: “1. Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình.

2. Vợ chồng có nghĩa vụ sống chung với nhau, trừ trường hợp vợ chồng có thỏa thuận khác hoặc do yêu cầu của nghề nghiệp, công tác, học tập, tham gia các hoạt động chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội và lý do chính đáng khác.

Xét yêu cầu ly hôn của chị Xiêm Mùi D, sau khi kết hôn do phong tục bắt rể của dân tộc Dao nên anh S phải chuyển về sinh sống cùng bố mẹ đẻ của chị D tại thôn Đ, xã I, huyện C, tỉnh Gia Lai, trong cuộc sống vợ chồng chị D và anh S không có hạnh phúc, quan hệ vợ chồng giữa chị D và anh S có nhiều mâu thuẫn nên vợ chồng thường xuyên cãi nhau nên anh S đã bỏ về nhà mẹ đẻ của anh tại Thôn Đ, xã T, huyện K, tỉnh Đăk Nông. Chị D đã không còn tình cảm đối với anh S, vợ chồng đã không chung sống từ cuối năm 2016 cho đến nay. Vì vậy không đảm bảo được việc quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ, chia sẻ với nhau những công việc gia đình. Hiện nay quan hệ hôn nhân không có khả năng hàn gắn, tình cảm yêu thương dành cho nhau không còn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Hội đồng xét xử thấy yêu cầu ly hôn của chị D là có cơ sở, nên cần chấp nhận.

[2.2] Về yêu cầu nuôi con chung: Chị Xiêm Mùi D và anh Phùng Văn S thừa nhận có 01 con chung là Xiêm Quỳ L, sinh ngày 19/8/2015, hiện nay chị D đang chăm sóc nuôi dưỡng cháu L. Chị D có nguyện vọng được nuôi con chung là Xiêm Quỳ L đến tuổi trưởng thành.

Xét nguyện vọng của chị D được nuôi con chung Xiêm Quỳ L, hiện nay cháu L còn nhỏ (04 tuổi 02 tháng 03 ngày tuổi) đang ở với chị D nên cần sự chăm sóc, giáo dục của mẹ. Mặt khác Anh S đồng ý giao cháu Xiêm Quỳ L cho chị D trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung đến tuổi trưởng thành. Do đó, Hội đồng xét xử cần áp dụng Điều 58; 81; 82; 83 và 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 giao con chung Xiêm Quỳ L cho chị D trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con chung đến tuổi trưởng thành.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Ngày 24/5/2019 chị D có đơn rút yêu cầu anh S cấp dưỡng nuôi con, vì vậy Hội đồng xét xử chấp nhận, đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu này.

Chị Xiêm Mùi D và anh Phùng Văn S thực hiện các quyền và nghĩa vụ của cha mẹ đối với con sau ly hôn theo các Điều 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, không ai được cản trở.

Chị Xiêm Mùi D và anh Phùng Văn S có quyền thay đổi người trực tiếp nuôi con và yêu cầu thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con sau khi ly hôn theo quy định tại Điều 84 và Điều 116 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[2.3] Về chia tài sản chung: Tại đơn khởi kiện, chị D yêu cầu anh S trả lại cho chị D chiếc xe nhãn hiệu Wave, trị giá 12.000.000 đồng.

Ngày 24/5/2019 chị D có đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với yêu cầu anh S trả chiếc xe nhãn hiệu Wave, vì vậy Hội đồng xét xử chấp nhận, đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu này.

[2.4] Về nợ chung: Các đương sự không có nợ chung.

[2.5] Tại đơn khởi kiện, chị D yêu cầu anh S trả số tiền 47.000.000 đồng mà chị D và gia đình giao cho anh S trước khi cưới.

Ngày 14/5/2019 chị D có đơn sửa chữa bổ sung đơn khởi kiện yêu cầu anh S trả lại tiền cho chị D đã cho anh S vay mượn để tổ chức lễ cưới tại nhà anh S số tiền là 47.000.000 đồng (bốn mươi bảy triệu đồng) và không yêu cầu tính lãi suất.

Ngày 24/5/2019 chị D có đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với số tiền 13.000.000 đồng trong số tiền 47.000.000 đồng, chị D yêu cầu anh S trả số tiền 34.000.000 đồng.

Xét thấy, đối với số tiền 34.000.000 đồng mà chị D và gia đình chị đã đưa cho anh S để tổ chức lễ cưới tại nhà anh S và anh S cũng thừa nhận là đã nhận số tiền 34.000.000 đồng này, đồng thời anh S phải chuyển về sinh sống cùng với gia đình bố mẹ đẻ của chị D tại thôn Đ, xã I, huyện C, tỉnh Gia Lai theo phong tục bắt rể của dân tộc Dao, đây là hợp đồng tặng cho có điều kiện.

Tại Điều 465 của bộ luật dân sự quy định về Hợp đồng tặng cho tài sản: *“Hợp đồng tặng cho tài sản là sự thoả thuận giữa các bên, theo đó bên tặng cho giao tài sản của mình và chuyển quyền sở hữu cho bên được tặng cho mà không yêu cầu đền bù, còn bên được tặng cho đồng ý nhận.”*

Tại Điều 470 của bộ luật dân sự quy định về Tặng cho tài sản có điều kiện:

“1. Bên tặng cho có thể yêu cầu bên được tặng cho thực hiện một hoặc nhiều nghĩa vụ dân sự trước hoặc sau khi tặng cho. Điều kiện tặng cho không được trái pháp luật, đạo đức xã hội.

...

3. Trong trường hợp phải thực hiện nghĩa vụ sau khi tặng cho mà bên được tặng cho không thực hiện thì bên tặng cho có quyền đòi lại tài sản và yêu cầu bồi thường thiệt hại.”

Quá trình giải quyết vụ án, ngày 30/9/2019 chị D có đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với số tiền 34.000.000 đồng. Hội đồng xét xử xét thấy việc rút yêu cầu nói trên của chị D là hoàn toàn tự nguyện, căn cứ Điều 217, khoản 2 Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự 2015, đình chỉ xét xử đối với yêu cầu này của chị D. Chị D không phải chịu án phí đối với yêu cầu đã đình chỉ xét xử

[3] Về án phí: Chị Xiêm Mùi D phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn theo khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 235, Điều 217, Điều 244, Điều 266, Điều 271 và 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng Điều 51, Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 69, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 27 Nghị quyết số

326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Xiêm Mùi D.

- *Về quan hệ hôn nhân*: Chị Xiêm Mùi D được ly hôn với anh Phùng Văn S.

- *Về yêu cầu nuôi con chung*: Giao con chung Xiêm Quỳ L, sinh ngày 19/8/2015 cho chị Xiêm Mùi D trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi).

Đình chỉ xét xử yêu cầu của chị Xiêm Mùi D đối với yêu cầu anh Phùng Văn S đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con số tiền 1.000.000 đồng/1 tháng cho đến khi cháu L 18 tuổi.

Chị Xiêm Mùi D và anh Phùng Văn S thực hiện các quyền và nghĩa vụ của cha mẹ đối với con sau ly hôn theo các Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, không ai được cản trở.

Chị Xiêm Mùi D và anh Phùng Văn S có quyền thay đổi người trực tiếp nuôi con và yêu cầu thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con sau khi ly hôn theo quy định tại Điều 84 và Điều 116 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

- *Về yêu cầu chia tài sản chung*:

Đình chỉ xét xử yêu cầu của chị Xiêm Mùi D đối với yêu cầu anh Phùng Văn S trả chiếc xe nhãn hiệu Wave.

- *Về nợ chung*: Các đương sự không có nợ chung.

- Đình chỉ xét xử yêu cầu của chị Xiêm Mùi D đối với yêu cầu anh Phùng Văn S trả số tiền 47.000.000 đồng và không yêu cầu tính lãi suất.

- *Về án phí*: Chị Xiêm Mùi D phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn, được trừ 1.775.000 đồng đã nộp tạm ứng án phí mà chị Xiêm Mùi D đã nộp theo biên lai số 0000938 ngày 03/5/2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Krông Nô, tỉnh Đắk Nông. Hoàn trả cho chị Xiêm Mùi D số tiền 1.475.000 đồng.

- *Quyền kháng cáo bản án*: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được hoặc kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Nơi nhân :

- TAND tỉnh Đắk Nông;
- VKSND huyện Krông Nô (02 bản);
- Chi cục THADS H. Krông Nô;
- UBND xã I;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(*đã ký*)

Võ Thị Nhi